

BÁO CÁO **HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG HY LẠP**



MÃ HOẠT ĐỘNG: EU-15 (Hồ sơ thị trường)

“Hỗ trợ Bộ Công Thương nghiên cứu và tập hợp hồ sơ thị trường của các nước thành viên EU và nghiên cứu về một số ngành liên quan đến xuất khẩu của Việt Nam”

Bản cuối cùng
Hà Nội, tháng 10/2015

Chuyên gia soạn thảo: Lê Hải Triều
Phạm Thế Phương

Báo cáo này được thực hiện với sự hỗ trợ tài chính của Liên minh châu Âu. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo này, cũng như mọi sai sót và chi tiết chưa chính xác đều thuộc trách nhiệm của các tác giả và không thể hiện quan điểm của Bộ Công Thương hay quan điểm của Phái đoàn Liên minh châu Âu.

MỤC LỤC

I. Giới thiệu khái quát về Hy Lạp	3
1. Thông tin cơ bản	3
2. Địa lý.....	3
3. Khí hậu.....	3
4. Xã hội.....	4
5. Thể chế và cơ cấu hành chính.....	5
6. Hệ thống pháp luật	6
7. Lịch sử	6
8. Văn hóa	7
9. Giáo dục	8
10. Ngày nghỉ/lễ tết.....	9
II. Tổng quan tình hình phát triển kinh tế, thương mại và đầu tư.....	10
1. Kinh tế.....	10
2. Thương mại.....	11
3. Đầu tư.....	12
4. Cơ sở hạ tầng kinh tế	12
5. Các chỉ số kinh tế, thương mại cơ bản.....	12
6. Quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại	13
III. Quan hệ hợp tác với Việt Nam	15
1. Quan hệ ngoại giao	15
2. Quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư và phát triển.....	15
3. Quan hệ hợp tác đầu tư và phát triển	16
IV. Một số điều cần biết khi kinh doanh với Hy Lạp.....	17
1. Các qui định về xuất nhập khẩu.....	17
2. Chính sách thuế và thuế suất.....	18
3. Qui định về bao gói, ký mã hiệu và nhãn mác.....	20
4. Qui định về kiểm dịch động thực vật.....	20
5. Quyền sở hữu trí tuệ	20
6. Khu vực tự do thương mại	20
7. Tiêu chuẩn.....	21
8. Đánh giá tính hợp chuẩn.....	21

9. Văn hóa kinh doanh	21
V. Đánh giá tiềm năng thị trường Hy Lạp	23
VI. Địa chỉ hữu ích.....	24
VII. Tài liệu tham khảo.....	25

I. Giới thiệu khái quát về Hy Lạp

1. Thông tin cơ bản

Tên chính thức: Cộng hòa Hy Lạp (Republic of Greece)

Vị trí địa lý: Nằm ở Đông-Nam Âu, bao quanh là biển Ê-giê, biển Ionia và biển Địa Trung Hải, nằm giữa Albania và Thổ Nhĩ Kỳ.

Diện tích: 131.957km²

Dân số (ước tính 7/2014): 10,776 triệu người

Thủ đô: Athens (3,06 triệu người)

Ngôn ngữ chính thức: Tiếng Hy Lạp

Đơn vị tiền tệ: đồng Dracma và EUR

Thế chế chính phủ: Cộng hòa đại nghị

Ngày Quốc khánh: 25/03 (1821)

2. Địa lý

Vị trí địa lý: là một quốc gia thuộc khu vực Châu Âu, nằm phía Nam bán đảo Balkan. Hy Lạp giáp với các nước Albania, Macedonia và Bulgaria về phía Bắc, giáp với Thổ Nhĩ Kỳ về phía Đông.

Địa hình: Biển Aegaeum bao bọc phía Đông và phía Nam Hy Lạp, còn biển Ionia nằm ở phía Tây. Phần lớn địa hình của đất nước này là núi non hiểm trở. Hy Lạp có rất nhiều hòn đảo lớn nhỏ thuộc khu vực Địa Trung Hải.

Các đồng bằng chiếm diện tích rất nhỏ tại Hy Lạp và tập trung ở các vùng Thessaly, Trung Macedonia và Thrace. Đây là những nơi có nhiều đất đai màu mỡ đồng thời là những vùng tập trung đông dân cư tại Hy Lạp.

Các sông ở Hy Lạp thường ngắn và dốc, một số sông nhỏ thường hay bị khô cạn vào mùa hè.

Diện tích: 131.957 km²

Chiều dài đường bờ biển: Mặc dù có diện tích nhỏ nhưng do có nhiều đảo và quần đảo nên chiều dài đường bờ biển của Hy Lạp rất lớn, lên tới 130.800 km và đứng thứ 10 trên thế giới về độ dài đường bờ biển.

Tài nguyên thiên nhiên

Các con sông là một nguồn cung cấp thủy điện lớn cho Hy Lạp. Nước này còn có nhiều tài nguyên khoáng sản phong phú như nhôm, than non, quặng sắt, bô xít, chì, ma-giê các bo nát, kẽm, niken, dầu hỏa, thủy điện

3. Khí hậu

Nhiệt độ trung bình từ 6-13 độ C vào tháng 2 và từ 23-33 độ C vào tháng 8. Khí hậu Hy Lạp có thể chia thành 3 kiểu khí hậu chính: khí hậu Địa Trung Hải, khí hậu núi cao và khí hậu ôn hòa.

Khí hậu Địa Trung Hải là loại khí hậu chủ yếu ở Hy Lạp với một mùa đông ẩm áp và mưa nhiều, song thỉnh thoảng cũng có thể có tuyết rơi ở những quần đảo xa về phía Nam. Mùa hè thường rất nóng và khô hạn. Chính đặc điểm này của khí hậu Địa Trung Hải đã dẫn đến những vụ cháy rừng rất lớn tại Hy Lạp, gây ra nhiều thiệt hại về người và của. Gần đây nhất vào tháng 8 năm 2007, một vụ cháy rừng đã lan rộng khắp đất nước Hy Lạp khiến 64 người chết và gây thiệt hại 1,6 tỷ đô la Mỹ.

Khí hậu núi cao phân bố chủ yếu ở những vùng núi phía Tây Bắc Hy Lạp, bán đảo Peloponnese và dãy núi Pinlus. Tại những vùng này, khí hậu thay đổi theo độ cao.

Khí hậu ôn hòa có diện tích phân bố nhỏ, tập trung ở vùng Đông Bắc Hy Lạp với nhiệt độ mát mẻ hơn so với khí hậu Địa Trung Hải và có lượng mưa vừa phải.

Thủ đô Athens của Hy Lạp thuộc kiểu khí hậu chuyển tiếp giữa Địa Trung Hải và ôn hòa. Nhiệt độ trung bình cao nhất tại đây vào tháng 7 là 33,5°C, còn nhiệt độ trung bình thấp nhất vào tháng 1 là 5,2°C. Phía bắc của thành phố Athena có kiểu khí hậu ôn hòa trong khi những vùng phía Nam lại mang khí hậu Địa Trung Hải.

Địa hình có ảnh hưởng quan trọng đối với khí hậu của Hy Lạp. Ví dụ như sườn phía Tây của dãy núi Pinlus hứng gió nhiều hơn so với phần phía Đông, cho nên có độ ẩm và lượng mưa cao hơn hẳn so với sườn phía Đông bị khuất gió.

4. Xã hội

Dân số

Tổng số dân (7/2014): 10,776 triệu người

Tốc độ gia tăng dân số (2014): 0,01%

Tỷ lệ sinh (2014): 8,8 trẻ/1.000 dân

Tỷ lệ tử (2014): 11 người/1.000 dân

Tỷ lệ nhập cư (2014): 2,32 người/1.000 dân

Tuổi thọ trung bình (2014): 80,3 tuổi

Dân cư

Con người đã đến vùng đất ngày nay là Hy Lạp từ thời kỳ đồ đá cũ vào khoảng 3000 năm trước công nguyên. Sau đó, tổ tiên của người Hy Lạp đã đến đây vào khoảng thiên niên kỷ thứ hai trước Công nguyên và xây dựng những nền văn minh rực rỡ. Vào khoảng thế kỷ thứ 5 trước Công nguyên, có 3 triệu dân sinh sống trên bán đảo Hy Lạp và 6 triệu người Hy Lạp định cư tại nhiều vùng khác nhau quanh khu vực Địa Trung Hải. Trong thời kỳ Đế chế Byzantine, nhiều dòng người khác nhau, chủ yếu là người Slav và người Do Thái đã nhập cư vào Hy Lạp. Đến khi bán đảo Hy Lạp bị thống trị bởi Đế chế Ottoman, nhiều người Hy Lạp đã rời bỏ đất nước để sang Tây Âu.

Trong khoảng thời gian từ cuối thế kỷ 19 cho đến khi kết thúc Thế chiến Thứ hai, một dòng người Hy Lạp rất lớn cũng di cư sang Mỹ, Canada và Úc để thoát khỏi tình trạng bất ổn

trong nước. Hiện nay, một bộ phận người dân Hy Lạp cũng có xu hướng nhập cư sang các nước phát triển khác trong Liên minh Châu Âu như Đức và Bỉ để kiếm việc làm.

Tốc độ gia tăng dân số của Hy Lạp hiện nay là 0,01%. Nhiều khả năng Hy Lạp sẽ phải đối mặt với tình trạng giảm dân số trong tương lai khi mà tỉ lệ tử tại nước này đã vượt quá tỉ lệ sinh. Dân cư Hy Lạp tăng lên chủ yếu do nhập cư.

Các nhóm thiểu số

Các nhóm dân tộc thiểu số chiếm tỉ lệ nhỏ trong dân số Hy Lạp. Trong đó các nhóm dân tộc thiểu số chính là người Thổ Nhĩ Kỳ, người Slav, người Albania, người Armenia, người Do Thái...

Người Thổ Nhĩ Kỳ là cộng đồng thiểu số lớn nhất tại Hy Lạp với số lượng khoảng 74.000 người. Họ sinh sống tập trung ở tỉnh Thrace thuộc miền Đông Bắc Hy Lạp. Tuy những mâu thuẫn lịch sử giữa người Thổ Nhĩ Kỳ và người Hy Lạp vẫn còn tồn tại nhưng đa phần các nhóm dân này đều sống hòa thuận với nhau.

Người Slav phân bố chủ yếu ở miền Bắc Hy Lạp và có nguồn gốc từ người Bulgaria và người Macedonia. Họ được phân chia thành hai nhóm tôn giáo chính là người Slav theo đạo Chính thống và người Slav theo đạo Hồi. Người Albania cũng là một nhóm dân lớn ở Hy Lạp, chủ yếu là những người Albania nhập cư sang để tìm việc làm. Người Do Thái thì từng có một cộng đồng dân cư rất lớn tại nước này, nhưng phần lớn họ đã bị giết hại bởi phát xít Đức trong Thế chiến Thứ hai hoặc nhập cư sang Israel và một số nước khác. Ngày nay cộng đồng Do Thái ở Hy Lạp chỉ còn rất ít với khoảng 5500 người, tập trung chủ yếu ở Thessaloniki. Ngoài ra ở Hy Lạp còn có một cộng đồng người Armenia khá đông đảo với khoảng 35.000 dân.

Tôn giáo

Chính thống giáo Hy Lạp được hiến pháp công nhận là tôn giáo chính thức tại Hy Lạp, song thực tế người dân hoàn toàn có quyền tự do tôn giáo. Chính thống giáo Hy Lạp là tôn giáo phổ biến nhất tại nước này, chiếm tới 97% tổng dân số và phân bố rộng khắp toàn đất nước Hy Lạp. Hồi giáo là tôn giáo phổ biến thứ hai với số tín đồ ước tính từ khoảng 98.000 đến 140.000 người, tập trung chủ yếu ở tỉnh Thrace. Bên cạnh đó còn có cộng đồng người Hồi giáo nhập cư vào khoảng 200.000 đến 300.000 người. Cộng đồng Thiên chúa giáo tại Hy Lạp có số tín đồ ước tính khoảng 250.000 người. Còn đạo Nhân chứng Giê-hô-va và đạo Tin lành đều có khoảng 30.000 tín đồ. Cộng đồng theo đạo Do Thái trước kia rất đông tại Hy Lạp, nay chỉ còn 5000 người và phân bố chủ yếu ở Thessaloniki.

Ngôn ngữ: Tiếng Hy Lạp (99%), ngôn ngữ khác 1% (gồm tiếng Anh và tiếng Pháp).

5. Thể chế và cơ cấu hành chính

Thể chế chính trị: Hy Lạp theo chế độ Cộng hoà Đại nghị.

Tổng thống là người đứng đầu đất nước và được lựa chọn bởi Quốc hội với nhiệm kỳ 5 năm. Tuy nhiên sau cuộc sửa đổi hiến pháp vào năm 1986, quyền lực của Tổng thống đã bị cắt giảm đáng kể và bây giờ hầu như chỉ mang tính nghi thức. Thủ tướng là người đứng đầu chính phủ Hy Lạp và có quyền lực chủ yếu trong các công việc của quốc gia.

Quốc hội Hy Lạp có tổng cộng 300 ghế. Bầu cử Quốc hội thường được tổ chức 4 năm một lần. Tuy nhiên Tổng thống có quyền giải tán Quốc hội và tổ chức bầu cử sớm. Từ khi Hy Lạp quay trở về tiến trình dân chủ từ năm 1975, Hy Lạp đã trở thành một quốc gia theo chế độ đa đảng. Hai đảng có vai trò quan trọng nhất trên chính trường Hy Lạp là Đảng Dân chủ mới và Phong trào Xã hội Chủ nghĩa Hy Lạp.

Đảng cầm quyền hiện nay là Đảng Dân chủ mới (New Democracy) do Thủ tướng Kostas Karamanlis đứng đầu với 165/300 ghế. Đảng đối lập là Đảng Phong trào Xã hội (PASOK) do ông George Papandreou đứng đầu với 117/300 ghế. Đảng Cộng sản Hy Lạp hoạt động hợp pháp trong khuôn khổ nhà nước pháp quyền, có 11 ghế trong Quốc hội và có ảnh hưởng nhất định trong các tầng lớp lao động ở Hy Lạp.

Cơ cấu hành chính

Toàn bộ đất nước Hy Lạp được chia thành 13 tỉnh và 1 khu tự trị. Các tỉnh của Hy Lạp bao gồm 9 tỉnh nằm trên đất liền (bán đảo Hy Lạp) và 4 tỉnh thuộc các đảo và quần đảo. Riêng Núi Athos, một khu vực dành riêng cho những tu sĩ nam theo Chính thống giáo được công nhận là một nước cộng hòa tự trị bán độc lập thuộc chủ quyền của Hy Lạp. Đây là một bán đảo nhỏ nằm ở phía Đông Nam tỉnh Trung Macedonia. Tiếp đó, 13 tỉnh của Hy Lạp lại được chia tiếp thành 54 huyện.

6. Hệ thống pháp luật

Được soạn thảo dựa trên luật La Mã. Tòa án tư pháp được chia thành tòa dân sự, tòa hình sự và tòa hành chính.

7. Lịch sử

Từ năm 146 trước Công Nguyên đến đầu thế kỷ thứ 19, Hy Lạp lần lượt bị các đế quốc La Mã, Byzantine, Ottoman thống trị. Nhân dân Hy Lạp nhiều lần nổi dậy chống xâm lược, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của nông dân vùng Pa-lô-pôn-nét-si (Nam Hy Lạp) nổ ra ngày 25/9/1821. Sau đó nhờ thắng lợi của Nga trong chiến tranh Nga - Thổ (1827 - 1829), Hy Lạp được công nhận độc lập năm 1830 dưới sự bảo trợ của Anh, Nga, Pháp. Ngày 25/3/1821 được lấy làm ngày Quốc khánh của Hy Lạp.

Tháng 4/1924, Hy Lạp bãi bỏ chế độ quân chủ, thiết lập chế độ Cộng hoà. Năm 1936, chế độ Cộng hoà bị thay thế bằng chế độ độc tài của tướng Mê-ta-xát.

Từ 1946 - 1949 tại Hy Lạp xảy ra nội chiến giữa một bên là lực lượng Hoàng gia thân Anh và một bên là những người cộng sản và kháng chiến cũ. Kết cục lực lượng của những người cộng sản và kháng chiến cũ thất bại. Từ 1950 - 1967 là thời kỳ khủng hoảng chính trị triền miên và gay gắt trong nội bộ chính quyền tư sản. Ngày 21/4/1967, phái quân sự làm đảo

chính, lập chế độ phát xít, mở ra thời kỳ đàn áp gay gắt phong trào dân sinh, dân chủ, cấm mọi đảng phái chính trị hoạt động.

Ngày 24/7/1974 Côn-xtan-tin Ka-ra-ma-lit (lưu vong ở Pháp) trở về Hy Lạp thành lập Chính phủ liên hiệp lâm thời. Tháng 12/1974 tổ chức trưng cầu ý dân, lập lại chính thể Cộng hoà. Từ đó đến nay 2 đảng chính: Đảng Phong trào Xã hội (PASOK) và Đảng Dân chủ mới thay nhau cầm quyền.

8. Văn hóa

Hy Lạp cổ đại có nền văn hóa phát triển rực rỡ, là kho tàng thần thoại, là xứ sở của nhiều nhà sử học, triết học, kiến trúc, thiên văn, nhà thơ. Là một trong những cái nôi của nền văn minh nhân loại.

Nền văn minh Hy Lạp có ảnh hưởng sâu rộng đến nền văn minh quanh khu vực Địa Trung Hải. Đây là nơi ra đời của nền dân chủ, triết học phương Tây và Thế vận hội Olympic. Đến thời trung cổ, Hy Lạp trở thành một bộ phận của Đế chế Byzantine, rồi sau đó lại nằm trong Đế chế Ottoman trong gần bốn thế kỉ. Năm 1821, nhân dân Hy Lạp đã nổi dậy khởi nghĩa, giành lại độc lập cho dân tộc.

Văn học

Đất nước Hy Lạp có một truyền thống văn học giàu có. Những bộ thiên sử thi Iliad và Odyssey là những tác phẩm văn học lớn đầu tiên của Châu Âu. Hy Lạp cũng là nơi khởi nguồn của thể loại thơ trữ tình trong văn học phương Tây hiện đại. Vào thế kỉ 6 trước Công nguyên, nhà văn Aesop đã viết những câu chuyện ngụ ngôn mà ngày nay nổi tiếng toàn thế giới. Đất nước Hy Lạp cũng là nơi ra đời của nghệ thuật sân khấu với những tác phẩm như bộ ba bi kịch Oresteia của Aeschylus hay các vở hài kịch của nhà thơ Aristophanes. Cũng trong thời kỳ này, triết học Hy Lạp đã đạt đến đỉnh cao với những nhà triết học bậc thầy như Platon và Aristotle.

Trong thời kỳ Byzantine, nền văn học Hy Lạp đã chịu ảnh hưởng của khá nhiều dòng văn hóa khác nhau như Cơ đốc giáo, La Mã và phương Đông (tức Ba Tư). Giai đoạn này đánh dấu bởi sự phát triển của những tác phẩm thơ trào phúng.

Sau khi giành lại độc lập vào năm 1821, nền văn học Hy Lạp đã phát triển mạnh với những xu hướng cách mạng và chịu ảnh hưởng của Thời kỳ Khai sáng. Trong thế kỉ 20, đất nước Hy Lạp đã có rất nhiều nhà văn lớn. Hy Lạp từng có 2 nhà văn đoạt giải thưởng Nobel văn học, đó là Giorgos Seferis vào năm 1963 và Odysseas Elytis vào năm 1979. Ngoài ra còn có một số nhà văn khác như Nikos Kazantzakis và Vassilis Vassilikos cũng có nhiều tác phẩm văn học nổi tiếng thế giới.

Kiến trúc

Kiến trúc Hy Lạp cổ đại đã phát triển rực rỡ với rất nhiều những đền đài, công trình công cộng còn tồn tại đến ngày nay. Thời kỳ này, các công trình được xây dựng chủ yếu bằng đá vôi và đá hoa cương. Có 3 phong cách kiến trúc Hy Lạp cổ chính với những nét đặc trưng

riêng thể hiện trên những cột trụ: phong cách Doric với cột trụ trơn và khỏe khoắn, phong cách Ionic mềm mại, duyên dáng và phong cách Corinthian cầu kỳ, trang nhã.

Phong cách kiến trúc Byzantine cũng có ảnh hưởng khá lớn tại Hy Lạp với những công trình kiến trúc như các nhà thờ, tu viện có dạng mái vòm độc đáo. Sau khi Hy Lạp giành được độc lập, trường phái kiến trúc Tân Byzantine được phát triển mạnh. Bên cạnh đó còn có sự phát triển của dòng kiến trúc Tân Cổ điển. Cũng như nhiều quốc gia Châu Âu khác, Hy Lạp ngày nay có nhiều công trình mang phong cách hiện đại, đặc biệt là tại những thành phố lớn.

Ẩm thực

Ẩm thực Hy Lạp rất đa dạng và phong phú, đồng thời chịu ảnh hưởng của nhiều dòng ẩm thực khác nhau như của miền Nam nước Pháp, Italia và Trung Đông. Dầu ôliu là loại hương liệu đặc trưng và có mặt trong hầu hết các món ăn của Hy Lạp. Cây lương thực chủ yếu của Hy Lạp là lúa mì, song bên cạnh đó còn có lúa mạch. Các loại rau xanh được dùng phổ biến tại đây là cà, cà chua, khoai tây, đậu xanh, ớt xanh và hành. Mật tại Hy Lạp được chế biến chủ yếu từ mật của các loại hoa, đặc biệt là từ họ cam quýt.

Các món ăn của Hy Lạp thường được chế biến với rất nhiều loại hương liệu như rau kinh giới, hành, tỏi, thì là, bạc hà, quế... Thịt cừu và thịt dê khá phổ biến tại Hy Lạp, nhưng thịt bò thì hiếm hơn. Các món cá cũng rất phổ biến, đặc biệt là tại những vùng duyên hải và đảo của Hy Lạp. Nước này cũng có rất nhiều loại pho mát được chế biến khác nhau.

Các món khai vị thường được phục vụ với bánh mì và rượu. Pho mát feta được làm từ sữa cừu và sữa dê là một món khai vị truyền thống tại nước này. Hy Lạp cũng có rất nhiều món súp như avgolemono, fasolada, magiritsa... Baklava là món bánh ngọt phổ biến tại đây, bên cạnh đó có món bánh mì tsoureki được ăn vào dịp Lễ Phục sinh. Có rất nhiều món ăn truyền thống của Hy Lạp có nguồn gốc từ nước ngoài.

Thể thao

Hy Lạp là một đất nước có truyền thống về thể thao. Đây là nơi ra đời của Thế vận hội cổ đại vào năm 776 trước Công nguyên. Vào năm 1896, Thế vận hội hiện đại đầu tiên cũng được tổ chức tại thành phố Athens của nước này.

9. Giáo dục

Hệ thống giáo dục Hy Lạp bao gồm các cấp học từ tiểu học cho đến đại học: Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, đại học. Giáo dục bắt buộc đối với tất cả các học sinh từ 6 đến 15 tuổi bao gồm cấp tiểu học và trung học cơ sở. Tuy nhiên học sinh có thể đi học cấp mẫu giáo từ 2,5 tuổi.

Cấp độ tiểu học kéo dài trong vòng 6 năm và tiếp đó là 3 năm trung học cơ sở. Sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, học sinh tiếp tục vào học bậc sau trung học cơ sở kéo dài từ 3 đến 5 năm. ở cấp học này có 2 loại hình đào tạo: Trung học phổ thông và trung học dạy nghề. Chương trình trung học phổ thông bao gồm 3 năm cơ bản hoặc 2 năm A Level. Còn chương trình trung học dạy nghề chỉ bao gồm 3 năm B Level. Sau khi kết thúc chương trình sau

trung học cơ sở, học sinh phải tham dự kì thi tốt nghiệp quốc gia. Đây là điều kiện để xét tuyển đầu vào đại học.

Chương trình giáo dục đại học nhằm đào tạo về mặt lý thuyết và thực hành cho học sinh. Hệ thống giáo dục đại học bao gồm các trường đại học (universities), trường đa khoa (Polytechnics), các học viện mỹ thuật (Higher Fine Arts Institutes) và các trường đại học mở (Hellenic Open Universities). Chương trình đào tạo bậc đại học kéo dài từ 4 đến 6 năm bao gồm một số môn học bắt buộc và một số môn học tự chọn. Kết thúc chương trình học, tất cả các học sinh đều phải làm một bài luận văn tốt nghiệp hoặc đồ án tốt nghiệp. Kết thúc chương trình đại học, học sinh được tiếp tục vào học chương trình thạc sĩ kéo dài từ 1 đến 2 năm. Chương trình tiến sĩ kéo dài trong vòng 3 năm kể từ khi tốt nghiệp đại học. Chương trình này chủ yếu được hoàn thành dựa vào kết quả nghiên cứu và bảo vệ luận án tiến sĩ.

10. Ngày nghỉ/lễ tết

Ngày 1 tháng 1: Tết năm mới

6/1: Lễ hiến linh

25/3: Ngày độc lập

25/4: Ngày thứ sáu tốt lành (Ngày lễ phục sinh chính thống)

1/5: Quốc tế lao động

15/8: Lễ hội kỷ niệm ngày Đức Mẹ thắng thiên

28/10: Ngày Okhi

25/12: Giáng sinh

26/12: Ngày Thánh Stephen

II. Tổng quan tình hình phát triển kinh tế, thương mại và đầu tư

1. Kinh tế

Hy Lạp là một quốc gia có nền kinh tế tư bản với chi tiêu của lĩnh vực công chiếm tới 40% GDP và GDP bình quân đầu người bằng khoảng hai phần ba của các nền kinh tế sử dụng đồng euro. Du lịch đóng góp khoảng 18% GDP. Người nhập cư chiếm gần một phần chín lực lượng lao động, chủ yếu ở các lĩnh vực nông nghiệp và không cần tay nghề cao. Hy Lạp là nước hưởng trợ cấp từ EU, chiếm khoảng 3,3% GDP hàng năm. Tăng trưởng kinh tế trung bình của Hy Lạp khoảng 4% từ năm 2003 đến năm 2007, năm 2009 kinh tế nước này gặp khủng hoảng do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính thế giới, thu hẹp các điều kiện tín dụng và Athens thất bại trong việc giải quyết thâm hụt ngân sách ngày càng tăng. Đến năm 2013 nền kinh tế này đã hồi phục được khoảng 26% so với mức trước khủng hoảng năm 2007.

Hy Lạp đáp ứng được các tiêu chuẩn về thâm hụt ngân sách theo Công ước về ổn định và tăng trưởng của EU, đạt mức tăng trưởng GDP không quá 3% vào năm 2007 – 2008 nhưng vi phạm vào năm 2009 với thâm hụt lên tới 15% GDP. Hy Lạp đã áp dụng các biện pháp kham khổ để làm giảm thâm hụt xuống mức 4% vào năm 2013, bao gồm cả giảm các khoản thanh toán nợ của chính phủ, nhưng mức thâm hụt lên vào mức cao 12,7% GDP vào năm 2014. Làm ảnh hưởng tới tài chính công, các số liệu thống kê không chính xác và không được báo cáo và hoạt động cải cách không ổn định đã làm giảm xếp hạng tín dụng của Hy Lạp vào cuối năm 2009 và khiến nước này rơi vào khủng hoảng tài chính. Dưới áp lực mạnh mẽ từ EU và các thị trường quốc tế, Hy Lạp đã phải thông qua một chương trình thắt chặt chi tiêu trong trung hạn bao gồm cắt giảm chi tiêu của chính phủ, giảm trốn thuế, kiểm tra lại các hệ thống lương và chăm sóc y tế và cải cách thị trường sản phẩm và lao động.

Tuy nhiên, Athens phải đối diện với những thách thức dài hạn trong việc tiếp tục thúc đẩy các chính sách cải cách trong khi phải giải quyết các lo lắng của các liên đoàn lao động có thể lực và công chúng trong nước. Tháng 4 năm 2010, cơ quan đánh giá tín dụng hàng đầu đã xếp hạng nợ của Hy Lạp thuộc hạng tín dụng thấp nhất, và đến tháng 5 năm 2010, Tổ chức tiền tệ quốc tế và các chính phủ khu vực sử dụng đồng euro đã cung cấp cho Hy Lạp các khoản vay khẩn cấp ngắn và trung hạn trị giá 147 tỷ USD để nước này có thể trả nợ. Đổi lại các khoản cứu trợ trên, chính phủ nước này đã thông báo thực hiện kết hợp cắt giảm chi tiêu và tăng thuế tổng cộng 40 tỷ USD trong ba năm, được coi là phương pháp thắt chặt chi tiêu chặt chẽ nhất từng được thực hiện. Tuy nhiên, Hy Lạp đã phải nỗ lực để đạt được mục tiêu năm 2010 do EU và IMF đề ra, đặc biệt là sau khi Eurostat – cơ quan thống kê của EU – xem xét lại các khoản nợ và thâm hụt của Hy Lạp năm 2009 và năm 2010. Các nhà lãnh đạo Châu Âu và IMF đã thông qua vào tháng 10 năm 2010 cung cấp cho Athens gói trợ cấp trị giá 169 tỷ USD. Tuy nhiên, gói trợ cấp thứ hai đã kêu gọi những người giữ trái phiếu chính phủ của Hy Lạp bút toán giảm một phần lớn giá trị trái phiếu họ giữ. Vì các ngân hàng Hy Lạp giữ một phần lớn nợ chính phủ, hệ thống ngân hàng chịu ảnh hưởng nặng nề của việc bút toán giảm và 60 tỷ USD trong gói trợ cấp thứ hai được sử dụng để đảm bảo hệ thống ngân hàng được đảm bảo vốn cân bằng. Đổi lại khoản vay thứ hai, Hy Lạp hứa sẽ áp dụng

thất chặt chi tiêu thêm 7,8 tỷ USD trong giai đoạn 2013 – 2015. Tuy nhiên, các khoản cắt giảm chi tiêu lớn đã kéo dài suy giảm kinh tế và giảm doanh thu thuế của Hy Lạp.

Các nước cho Hy Lạp vay tiếp tục kêu gọi Athens nỗ lực tăng thu thuế, giảm số lượng cán bộ công chức, tư nhân hóa các doanh nghiệp nhà nước và kiểm chế chi tiêu cho y tế. Tuy nhiên, lòng tin của các nhà đầu tư bắt đầu cho thấy tín hiệu tăng lên vào cuối năm 2013, và giảm thâm hụt GDP xuống 3,9%, đây cũng là năm khả quan nhất của Hy Lạp kể từ năm 2009. Sau đó, Hy Lạp đã có ba dấu mốc quan trọng năm 2014: cân bằng ngân sách năm 2013 – không bao gồm các khoản trả nợ; tái tham gia thị trường tài chính vào tháng 4 kể từ khi gặp vấn đề về nợ chính phủ lần đầu vào năm 2010; và quý đầu có tăng trưởng dương kể từ năm 2008. Với sự thành công của Hy Lạp, tháng 10, thủ tướng Antonios Samaras đã công bố các kế hoạch để thoát ra khỏi tình trạng khó khăn về tài chính sớm, và thúc đẩy Hy Lạp quay lại bàn thương lượng với các chủ nợ và kết quả là đã tiến tới thỏa thuận gia hạn các khoản trợ cấp tài chính cho Hy Lạp đến tháng 2 năm 2015.

Các ngành kinh tế trọng điểm

Dịch vụ chiếm một tỉ trọng quan trọng trong nền kinh tế Hy Lạp. Trong các ngành dịch vụ, Hy Lạp đặc biệt phát triển ngành du lịch, vốn là thế mạnh của nước này với rất nhiều khung cảnh thiên nhiên tươi đẹp và các công trình văn hóa lịch sử độc đáo. Du lịch là nguồn thu ngoại tệ chủ yếu của Hy Lạp.

Bên cạnh đó, các ngành kinh tế khác như ngân hàng, tài chính, viễn thông, sản xuất các thiết bị công nghệ cao cũng phát triển mạnh tại Hy Lạp. Nước này cũng có lợi thế về kinh tế biển với rất nhiều cảng nước sâu và một ngành công nghiệp đóng tàu hùng mạnh. Các ngành công nghiệp quan trọng khác ở Hy Lạp là dệt, hóa chất, khai thác khoáng sản, chế biến thực phẩm. Nông nghiệp tuy chiếm tỉ trọng nhỏ song vẫn đóng một vai trò quan trọng trong nền kinh tế. Các loại cây trồng chủ yếu ở Hy Lạp là lúa mì, lúa mạch, ôliu, hoa hướng dương, cà chua, cam, chanh... Cơ cấu kinh tế của Hy Lạp như sau: dịch vụ chiếm 80,6%, công nghiệp 15,9% và nông nghiệp 3,5%.

2. Thương mại

Kim ngạch thương mại của Hy Lạp từ 2010 – 2014

Đơn vị: triệu USD

Năm	Nhập khẩu	Xuất khẩu	Tổng kim ngạch
2010	66.453	27.586	94.039
2011	66.692	33.377	100.069
2012	62.504	35.151	97.655
2013	61.148	36.262	97.410
2014	62.181	35.755	97.936

Nguồn: Trademap 2015

3. Đầu tư

Trong nhiều năm qua, Hy Lạp đã trở thành một điểm đến đầu tư hấp dẫn và triển vọng đối với nhiều nhà đầu tư nước ngoài. Những nỗ lực nhằm cải thiện môi trường đầu tư trực tiếp nước ngoài của nước này ngày càng có vai trò quan trọng.

4. Cơ sở hạ tầng kinh tế

Thông tin - Truyền thông

Số điện thoại cố định đang sử dụng (2012): 5,461 triệu

Điện thoại di động (2012): 13,354 triệu chiếc

Số thuê bao Internet (2012): 3,201 triệu thuê bao

Số người sử dụng Internet (2012): 4,971 triệu người.

Giao thông vận tải

Sân bay: 9 sân bay

Đường sắt: 2.548 km

Đường bộ: 116.960 km

Đường thủy: 6 km (6 km này dọc kênh đào Corinth cắt eo Corinth; rút ngắn hành trình đường biển 325 km) (2012)

Đường ống: khí ga 1.329 km, dầu khí 94 km

Cảng và hải cảng: Aspropyrgos, Pachi, Piraeus, Thessaloniki Tầu buôn:

Tổng cộng: 860 tàu

bao gồm: Tàu kích thước lớn 262, tàu chở hàng 49, tàu chuyên chở 1, tàu chở thùng hóa chất 68, tàu chở khách/hàng 109, tàu chở thùng dầu 302, tàu roll on/ roll off 14

Số tàu thuộc sở hữu nước ngoài: 42 (Bi 17, Bermuda 3, Cyprus 3, Italia 5, Anh 6, Hoa Kỳ 8)

Số tàu đăng ký ở nước khác: 2.459 (2010)

5. Các chỉ số kinh tế, thương mại cơ bản

Một số chỉ số kinh tế, thương mại cơ bản năm 2014

GDP (PPP): 284,3 tỷ USD

GDP (theo tỷ giá chính thức): 246,4 tỷ USD

Mức tăng trưởng GDP thực: 0,6%

Thu nhập bình quân đầu người (PPP): 25.800 USD

Đóng góp vào GDP theo các ngành kinh tế:

Nông nghiệp: 3,5%

Công nghiệp: 15,9%

Dịch vụ: 80,6%

Lực lượng lao động: 3,91 triệu người

Tỷ lệ thất nghiệp: 26,8%

Tỷ lệ lạm phát (theo giá tiêu dùng): -0,9% (2013)

Thu chi ngân sách: Thu 119,5 tỷ USD, chi 127,9 tỷ USD

Nợ công: 174,5% GDP

Dự trữ vàng và ngoại hối: 5,752 tỷ USD

Nợ nước ngoài: 568,7 tỷ USD

Các sản phẩm nông nghiệp: lúa mì, ngô, lúa mạch, củ cải đường, ô liu, cà chua, rượu vang, thuốc lá, khoai tây, thịt bò, các sản phẩm sữa

Các ngành công nghiệp: du lịch, chế biến thực phẩm và thuốc lá, dệt may, hóa chất, sản phẩm kim loại, mỏ, dầu khí

Tỷ lệ tăng trưởng sản xuất công nghiệp: 0% (ước 2014)

Sản lượng điện: 54,98 tỷ kWh (2012)

Tiêu dùng điện: 52,02 tỷ kWh (2012)

Xuất khẩu điện: 2,602 tỷ kWh (2013)

Nhập khẩu điện: 4,705 tỷ kWh (2013)

Sản xuất dầu: 1.247 bbl/ngày (2013)

Tiêu dùng dầu: 284.000 bbl/ngày (2013)

Xuất khẩu dầu: 183.100 thùng/ngày (2013)

Nhập khẩu dầu: 124.600 thùng/ngày (2013)

Dự trữ dầu: 10 triệu thùng (1/1/2013)

Sản xuất khí ga tự nhiên: 5 triệu m³ (2013)

Tiêu thụ khí ga tự nhiên: 3,6 tỷ m³ (2013)

Xuất khẩu khí ga tự nhiên: 0 m³ (2013)

Nhập khẩu khí ga tự nhiên: 3,866 tỷ m³ (2013)

Dự trữ khí ga tự nhiên: 991,1 triệu m³ (1/1/2013)

Cán cân tài khoản vãng lai: 1,717 tỷ \$ (ước 2014)

Kim ngạch xuất khẩu: 36,6 tỷ USD (2013)

Hàng xuất khẩu: thực phẩm đồ uống, sản phẩm công nghiệp, các sản phẩm dầu khí, hóa chất, dệt may

Đối tác xuất khẩu: Thổ Nhĩ Kỳ 11,6%, Italia 8,9%, Đức 6,5%, Bulgaria 5,3%, Cyprus 4,5% (2013)

Kim ngạch nhập khẩu: 62,19 tỷ USD (2013)

Hàng nhập khẩu: máy móc, thiết bị vận tải, nhiên liệu, hóa chất

Đối tác nhập khẩu: Nga 14,1%, Đức 9,7%, Italia 8%, Iraq 7,7%, Trung Quốc 4,7%, Pháp 4,7%, Hà Lan 4,7% (2013)

6. Quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại

Hy Lạp là thành viên chính thức của NATO và EU. Ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối ngoại của Hy Lạp là Châu Âu, Mỹ, đồng thời tranh thủ các nước Ban Căng. Hàng năm, Mỹ và Tây Âu viện trợ cho Hy Lạp hơn 6 tỉ USD. Mỹ đánh giá cao tầm quan trọng của Hy Lạp trong sườn phía Nam NATO.

Với các nước láng giềng, có một số vấn đề tồn tại do lịch sử để lại (lãnh thổ, dân tộc) nên quan hệ của Hy Lạp với một số nước có lúc trở nên căng thẳng như với Thổ Nhĩ Kỳ (về vùng biển E-giê và vấn đề Síp), với Anbani (về vấn đề kiều dân Hy Lạp) và Macedonia (đất đai).

Đối với Nam Tư cũ, Hy Lạp tôn trọng quyền quyết định của các dân tộc tách khỏi Liên bang Nam Tư.

Đối với các khu vực ngoài Châu Âu, Hy Lạp quan hệ có chọn lọc. Hy Lạp có quan hệ tốt cả về chính trị lẫn kinh tế với các nước Trung Đông và Bắc Phi, quan hệ với Châu Á và châu

Mỹ La-tinh chủ yếu mới ở mức thấp, quan hệ kinh tế chưa nhiều. Hiện ưu tiên của Hy Lạp là tập trung vào việc thống nhất đảo Síp và giải quyết những bất đồng còn tồn tại với Thổ Nhĩ Kỳ thông qua các giải pháp hoà bình, đồng thời tăng cường vai trò của Hy Lạp trong EU và trên trường quốc tế.

III. Quan hệ hợp tác với Việt Nam

1. Quan hệ ngoại giao

Hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao ngày 15/4/1975. Nhân dân Hy Lạp và Đảng Cộng sản Hy Lạp có thiện cảm đối với nhân dân Việt Nam, ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta. Đảng Cộng sản Hy Lạp nhiều lần ra tuyên bố lên án đế quốc Mỹ ném bom miền Bắc Việt Nam, nhân dân Hy Lạp tổ chức các cuộc mít tinh, biểu tình ủng hộ Việt Nam.

Tháng 3/2007, Hy Lạp mở sứ quán thường trú tại Hà Nội. Hiện nay Đại sứ Việt Nam tại Italia kiêm nhiệm Hy Lạp. Việt Nam đang hoàn tất thủ tục nội bộ để mở Đại sứ quán tại Athens trong năm 2010.

Nhìn chung, quan hệ hai nước đã có những bước phát triển tích cực. Chính phủ Hy Lạp đánh giá cao công cuộc đổi mới của Việt Nam và bày tỏ mong muốn mở rộng quan hệ nhiều mặt với ta nhất là về kinh tế - thương mại và đầu tư. Tuy nhiên, trong thời gian qua các quan hệ này vẫn chưa phát triển so với tiềm năng và mong muốn của hai nước.

Đoàn ra:

- + 5/1996: Thứ trưởng tài chính Vũ Mộng Giao thăm và làm việc
- + 11/1996: Thứ trưởng Bộ Thương mại Nguyễn Xuân Quang
- + 2/1998: Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Mạnh Cầm
- + 2/2005: Trợ lý Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Trung Thành
- + 6/2008: Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết thăm cấp Nhà nước
- + 6/2009: Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Gia Khiêm

Đoàn vào:

- + 8/1997: Tổng thư ký Bộ Ngoại giao Hy Lạp
- + 10/2004: Bộ trưởng Ngoại giao Petro Moliviatis dự HNCC ASEM 5
- + 5/2007: Thủ tướng Côt- xtát Ca-ra-man-lít (Kostas Karamanlis) và phu nhân thăm chính thức
- + 10/2008: Tổng thống Ka-rô-lôt Pa-pao-li-át thăm chính thức

2. Quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư và phát triển

Quan hệ kinh tế Việt Nam-Hy Lạp còn khiêm tốn nhưng có nhiều tiềm năng. Kim ngạch thương mại Việt Nam-Hy Lạp trong 5 năm 2001-2006 đạt hơn 200 triệu USD và tăng nhanh trong thời gian qua. Kim ngạch hai chiều trong 11 tháng đầu năm 2009 đã đạt 72 triệu USD. Tại Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam - Hy Lạp được tổ chức lần đầu tiên nhân chuyến thăm Hy Lạp của Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết, hai bên đã ký biên bản ghi nhớ đóng mới 8 tàu biển trị giá 600 triệu USD.

**Các mặt hàng chủ yếu Việt Nam xuất khẩu sang Hy Lạp
Năm 2014 và 3 tháng 2015**

STT	Mặt hàng chủ yếu	Trị giá (USD)	
		Năm 2014	Tháng 1-3/2015
1	Hàng thủy sản	13.249.859	2.711.454
2	Hạt điều	4.529.558	526.914
3	Cà phê	12.494.436	4.047.788
4	Gỗ và sản phẩm gỗ	3.222.721	2.720.121
5	Hàng dệt, may	6.523.531	1.836.867
6	Giày dép các loại	26.124.793	6.458.621
7	Sản phẩm từ sắt thép	3.307.701	862.066
8	Điện thoại các loại và linh kiện	73.935.008	15.880.119
9	Phương tiện vận tải và phụ tùng	3.263.443	848.853

Nguồn: Tổng cục Hải quan, 2015

Việt Nam nhập khẩu từ Hy Lạp năm 2014 và 3 tháng năm 2015

STT	Nội dung	Trị giá (USD)	
		Năm 2014	Tháng 1-3/2015
1	Tổng giá trị các mặt hàng	22.112.943	8.502.608

Nguồn: Tổng cục Hải quan, 2015

3. Quan hệ hợp tác đầu tư và phát triển

Hy Lạp chưa có dự án đầu tư nào ở Việt Nam. Hy Lạp chưa cung cấp ODA cho Việt Nam, nhưng đã có một số hoạt động hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào lũ lụt, người khuyết tật, nạn nhân chất độc màu da cam (với Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội)...

Hợp tác giáo dục - đào tạo: Hy Lạp đã bắt đầu cấp học bổng cho ta (05 học bổng học tiếng Hy Lạp).

Các hiệp định đã ký:

- Hiệp định khung về hợp tác kinh tế, công nghiệp và công nghệ giữa hai nước (1996).
- Hiệp định khung về Hợp tác du lịch (2007).
- Hiệp định về hợp tác Văn hoá (2008).
- Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư, Biên bản ghi nhớ về hợp tác giữa Bộ Ngoại giao hai nước; Biên bản ghi nhớ về Hợp tác trong lĩnh vực năng lượng giữa Bộ Công Thương Việt Nam và Bộ Phát triển Hy Lạp (2008).
- Hiệp định Vận tải hàng không (2009).

IV. Một số điều cần biết khi kinh doanh với Hy Lạp

1. Các qui định về xuất nhập khẩu

Chứng từ nhập khẩu

Các công ty xuất khẩu hàng hóa vào Hy Lạp cần lưu ý các vấn đề liên quan đến chứng từ nhập khẩu sau:

Hóa đơn thương mại: tối thiểu phải có 06 bản. Hóa đơn ghi thông tin đúng và chi tiết sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc thông quan. Hóa đơn phải có đầy đủ các thông tin về mô tả hàng hóa; trọng lượng tổng và trọng lượng tịnh của hàng hóa; số mã Nimex của EU về phân loại HS cho từng loại hàng hóa; đơn giá từng mặt hàng và tổng giá của lô hàng; hoa hồng dành cho đại lý; giá trị chiết khấu (nếu có); trị giá FOB và những chi phí liên quan cấu thành giá CIF của lô hàng. Hóa đơn phải có chữ ký gốc của người bán, được chứng thực bởi một phòng thương mại địa phương. Hóa đơn của những lô hàng được mua bán theo điều khoản thanh toán nợ phải có thông tin về giá phải trả nếu thanh toán bằng chứng từ chi tiền mặt.

Hóa đơn chiếu lệ: trên hóa đơn này phải có thông tin về đơn giá và tổng giá của lô hàng, hoa hồng đại lý và giá trị chiết khấu (nếu có).

Giấy chứng nhận xuất xứ: Hải quan Hy Lạp yêu cầu giấy chứng nhận xuất xứ đối với nhiều loại hàng hóa bao gồm đồ sứ, đồ chơi, hàng dệt và thép. Giấy chứng nhận xuất xứ được yêu cầu đối với những mặt hàng chịu sự quản lý nhập khẩu dưới diện giấy phép giám sát và/hoặc hạn ngạch. Nhà nhập khẩu tại Hy Lạp có thể sẽ hướng dẫn nhà cung cấp của họ khi cần có giấy chứng nhận xuất xứ trong tùy từng trường hợp. Giấy chứng nhận xuất xứ phải được chứng thực bởi một phòng thương mại có thẩm quyền tại nước xuất xứ hoặc tại cơ quan lãnh sự gần nhất của Hy Lạp. Chứng từ thông báo bởi hãng sản xuất trên hóa đơn xuất khẩu của họ cho biết hàng hóa xuất khẩu được sản xuất tại cơ sở của họ có thể được chấp nhận thay cho giấy chứng nhận xuất xứ. Trong trường hợp này, phòng thương mại địa phương hoặc một cơ quan có thẩm quyền khác phải chứng thực rằng chữ ký trên chứng từ thông báo đó là chữ ký thật. Giấy chứng nhận xuất xứ đối với hàng nhập khẩu từ các kho ngoại quan trong quá trình quá cảnh tại một cảng ở nước ngoài có thể được cấp bởi cơ quan hải quan đặt tại cảng đó, chứng thực về nguồn gốc của hàng hóa.

Vận đơn: tối thiểu phải có hai bản. Trị giá chính xác về cước phí vận tải và chi phí giao nhận phải được thể hiện trên vận đơn hoặc chứng từ vận tải khác có kèm theo chứng nhận chính thức của đơn vị vận tải. Hàng hóa gửi qua đường bưu điện phải có chứng từ của bưu điện thay cho vận đơn.

Phiếu đóng gói: không bắt buộc nhưng nếu có sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc thông quan.

Các loại giấy chứng nhận đặc biệt khác: tùy thuộc vào bản chất của hàng hóa được chuyên chở, hải quan Hy Lạp có thể yêu cầu các loại chứng từ đặc biệt như giấy chứng nhận kiểm

dịch, giấy chứng nhận y tế, giấy chứng nhận vệ sinh... Việc thông quan có thể bị trì hoãn nếu có vấn đề về kiểm dịch.

Hạn chế nhập khẩu

Hy Lạp là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Nước này sử dụng các rào cản thương mại theo quy định của EU và của chính phủ Hy Lạp. Giấy phép nhập khẩu được áp dụng đối với một số sản phẩm thuộc diện hạn chế nhập khẩu. Những giấy phép đặc biệt được yêu cầu đối với hàng hóa từ các nước có chi phí sản xuất thấp và đối với một số loại dịch vụ chịu sự kiểm soát hạn chế từ một số quốc gia nhất định.

Hạn ngạch nhập khẩu được áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu vào EU. Giấy chứng nhận xuất xứ cũng thường được yêu cầu kèm theo những lô hàng nhập khẩu thuộc diện quản lý theo hạn ngạch. Hy Lạp thường cấm nhập khẩu một số loại sản phẩm cạnh tranh với những sản phẩm tương tự được sản xuất trong nước.

Hầu hết các nông sản nhập khẩu vào Hy Lạp phải chịu sự kiểm soát theo các quy định của Chính sách Nông nghiệp Chung (Common Agricultural Policy - CAP). Nhiều loại nông sản như ngũ cốc, gạo, sữa và sản phẩm sữa, thịt bò và thịt bê, dầu ô liu và đường nhập khẩu phải chịu nhiều loại thuế khác nhau do hệ thống bảo hộ phức tạp. ISO 9000 được chấp nhận và sử dụng bởi nhiều công ty tại Hy Lạp. ISO 9000 cũng là một yêu cầu của nhiều hợp đồng mua sắm chính phủ.

Hy Lạp duy trì chính sách hạn chế ở quy mô quốc gia đối với một số dịch vụ kinh doanh và ngành nghề, bao gồm dịch vụ pháp lý. Hạn chế về dịch vụ pháp lý không áp dụng đối với các công dân của EU.

2. Chính sách thuế và thuế suất

Hy Lạp áp dụng một số loại thuế và phí có tác động trực tiếp và gián tiếp đến các nhà nhập khẩu và đầu tư vào nước này như sau:

Thuế thu nhập: thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ở Hy Lạp là 40%, một số doanh nghiệp liên doanh chỉ phải đóng 35%. Mức thuế 3% áp dụng đối với thu nhập từ các dịch vụ cho thuê. Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu và thanh toán các loại quỹ chung khác phải nộp một khoản thuế nhỏ.

Thuế thu nhập từ vốn.

Thuế tiêu thụ: áp dụng đối với một số lượng nhỏ các sản phẩm như khí đốt, nhiên liệu diesel, rượu, bia, xe có động cơ, tivi. Mức thuế suất thuế tiêu thụ khác nhau tùy thuộc vào từng loại sản phẩm và ở mức từ 10% đến 150%.

Thuế giá trị gia tăng (VAT): là một loại thuế tiêu thụ có mức thuế suất tiêu chuẩn là 18%, tuy nhiên các mặt hàng thiết yếu và một số mặt hàng khác chỉ phải chịu mức thuế suất thấp hơn (8% đối với thực phẩm, dược phẩm, điện, dịch vụ vận tải; 4% đối với sách, tạp chí, vé vào rạp hát). Tại khu vực đảo Dodecanese, thuế suất thuế VAT được giảm xuống còn 13%,

ở khu vực đảo phía Đông Aegean, thuế suất thuế VAT là 6% và 3%. Thuế VAT được tính trên trị giá CIF tại cảng đến, cộng thêm thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ, các loại thuế và phí khác (trừ VAT) do hải quan thu tại thời điểm nhập khẩu.

Thuế quà tặng và thuế thừa kế: mức thuế suất tùy theo người nhận và giá trị của quà tặng hoặc tài sản thừa kế.

Thuế chuyển nhượng bất động sản: từ 9% đến 11% hoặc cao hơn ở một số khu vực.

Thuế đối với tàu và ô tô: Những con tàu đăng ký tại Hy Lạp phải trả các loại thuế trừ thuế thu nhập (được miễn). Ô tô phải trả thuế tùy theo dung tích động cơ. Quốc hội Hy Lạp độc quyền trong việc định thuế và thu thuế. Năm tính thuế thường theo năm dương lịch, tuy nhiên các công ty nước ngoài thường được dành ngoại lệ. Trong hầu hết các trường hợp, việc hoàn thuế kinh doanh được thực hiện trong khoảng 4,5 tháng sau kỳ đóng thuế.

Thuế nhập khẩu đối với các sản phẩm từ các nước ngoài EU: ở mức từ 5% đến 7% đối với hầu hết các sản phẩm chế tạo. Nguyên liệu thô có mức thuế suất thấp hơn trong khi các sản phẩm dệt chịu mức thuế suất cao hơn. Hàng hóa nhập khẩu cũng phải chịu một số khoản phụ thu nhỏ ở mức dưới 1% so với giá trị lô hàng. Việc giảm thuế tạm thời có thể áp dụng đối với các nguyên liệu thô nhập khẩu để gia công, chế biến và tái xuất sang các nước ngoài EU trong các trường hợp bao gồm: không có sản phẩm thay thế hoặc sản phẩm tương tự được sản xuất ở EU; có sự chênh lệch đáng kể giữa nguyên liệu thô sản xuất trong nước và nguyên liệu thô nhập khẩu từ các nước ngoài EU; nguyên liệu có chất lượng đặc biệt nhưng không có sẵn ở EU hoặc được sản xuất ở EU nhưng số lượng không đủ; người mua hàng nước ngoài yêu cầu một loại thành phẩm đặc biệt. Hải quan Hy Lạp sẽ thu thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu thô nếu thành phẩm được sản xuất để cung cấp cho thị trường nội địa hoặc cho các nước thành viên EU khác. Thương mại giữa Hy Lạp và các thành viên EU khác được miễn thuế nhập khẩu.

Một mức phí bằng 0,65% trị giá CIF áp dụng đối với các mặt hàng nhập khẩu không phải là nông sản từ các nước ngoài EU.

Để biết thêm thông tin về chính sách thuế và thuế suất của Hy Lạp, có thể liên hệ:

Ministry of Finance (Bộ Tài chính)

Customs Tariffs Division

40 Amalias Avenue

Athens, Greece

Tel: 01 324 5103

Fax: 01 324 5408

Division of Customs Economic Systems

Tel: 01 324 5529

Fax: 01 323 5593

Division of Customs Procedures

Tel: 01 324 3183

Fax: 01 324 2132

Division of Special Consumption Taxes

Tel: 01 324 5426

Fax: 01 324 5460

3. Qui định về bao gói, ký mã hiệu và nhãn mác

Qui định về bao gói, ký mã hiệu và nhãn mác của Hy Lạp phù hợp với các qui định của EU. Nhãn mác phải in bằng tiếng Hy Lạp và gắn kèm với sản phẩm kể từ lúc sản phẩm được thông quan và đến khi được bán.

4. Qui định về kiểm dịch động thực vật

Các loại giấy chứng nhận liên quan đến vấn đề kiểm dịch động vật phải được cấp bởi cơ quan y tế có thẩm quyền ở nước xuất xứ, trong đó nêu rõ động vật không có bệnh truyền nhiễm.

Giấy chứng nhận y tế áp dụng cho các sản phẩm từ động vật, bao gồm thịt gia cầm, thịt lợn, cá và các sản phẩm sữa.

Giấy chứng nhận kiểm dịch áp dụng cho thực vật và các sản phẩm từ thực vật, bao gồm các loại rau và hạt.

Dược phẩm nhập khẩu phải có giấy chấp thuận đặc biệt của Tổ chức Dược phẩm Quốc gia. Những sản phẩm thực phẩm mới đối với thị trường cần có giấy chấp thuận tương tự bởi Phòng Thí nghiệm Quốc gia (General State Laboratory) ở Hy Lạp.

Những sản phẩm tuân thủ Luật Thực phẩm của Hy Lạp không cần có giấy phép đặc biệt để được nhập khẩu và bán tại Hy Lạp, trừ các loại hạt, thịt và sản phẩm gia cầm, sản phẩm sữa.

5. Quyền sở hữu trí tuệ

Việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được thực hiện khá nghiêm túc ở Hy Lạp. Tuy nhiên, so với năm năm trước đây, hiện vẫn còn nhiều dấu hiệu cho thấy vẫn có sự vi phạm bản quyền xảy ra ở nước này, đặc biệt đối với các sản phẩm nghe nhìn, hàng dệt may và giày dép.

6. Khu vực tự do thương mại

Hy Lạp có ba khu vực tự do thương mại tại các khu vực cảng Piraeus, Thessaloniki và Heraklion. Hàng hóa xuất xứ nước ngoài có thể được mang vào những khu vực này mà không phải trả thuế nhập khẩu hoặc các loại thuế khác nếu sau đó được tiếp tục chuyển sang nước khác hoặc tái xuất khẩu.

Chứng từ liên quan đến việc tiếp nhận, lưu kho, chuyển giao hàng hóa trong khu vực được miễn thuế dán tem.

Dịch vụ xử lý hàng hóa được thực hiện theo qui định của EU số 2504/88 and 2562/90. Hàng hóa quá cảnh có thể được lưu giữ tại khu vực và được miễn thanh toán tiền bảo lãnh. Những khu vực này có thể được sử dụng để bao gói lại hàng hóa, phân loại hàng hoặc dán lại nhãn.

Việc lắp ráp và sản xuất hàng hóa được thực hiện với qui mô nhỏ ở khu vực tự do thương mại Thessaloniki.

Thời gian lưu kho hàng hóa tại các khu vực tự do thương mại là không giới hạn, miễn là hàng hóa được trả đủ phí lưu kho trong mỗi 6 tháng.

7. Tiêu chuẩn

Hy Lạp tuân thủ các yêu cầu về tiêu chuẩn theo hướng dẫn của EU. ISO 9000 được chấp nhận và sử dụng bởi nhiều công ty trong nước và là yêu cầu của nhiều hợp đồng mua sắm chính phủ.

8. Đánh giá tính hợp chuẩn

Đánh giá tính hợp chuẩn là một bước bắt buộc đối với các nhà sản xuất khi muốn buôn bán ở Châu Âu, trong đó có Hy Lạp. Mục đích của việc đánh giá tính hợp chuẩn là để đảm bảo việc nhà sản xuất tuân thủ qui định của EU trong tất cả các khâu của quá trình sản xuất. Luật sản phẩm của Châu Âu cho nhà sản xuất một số cơ hội chọn lựa liên quan đến công tác đánh giá tính hợp chuẩn, phụ thuộc vào mức độ nguy hiểm khi sử dụng sản phẩm. Các chọn lựa này có thể là tự chứng nhận, kiểm tra theo chủng loại, hệ thống kiểm tra chất lượng sản xuất, và hệ thống bảo đảm chất lượng toàn diện.

Doanh nghiệp có thể truy cập danh sách các tổ chức đánh giá tính hợp chuẩn của các nước thành viên tại địa chỉ trực tuyến sau của Ủy ban Châu Âu

<http://Europa.eu.int/comm/enterprise/nando-is/home/index.cfm>.

Để thúc đẩy quá trình chứng nhận tiêu chuẩn cho sản phẩm cuối cùng, doanh nghiệp có thể tham gia các chương trình đánh giá tính hợp chuẩn tự nguyện. Hệ thống chứng nhận của CEN là Keymark, dấu CENCER, và Nhóm Hiệp định Tiêu chuẩn Châu Âu. CENELEC cũng có một chương trình riêng tại www.cenelec.org/Cenelec/Homepage.htm. Còn ETSI không cung cấp các dịch vụ đánh giá tính hợp chuẩn.

9. Văn hóa kinh doanh

Người Hy Lạp khá bảo thủ, do vậy khách đến thăm nên tránh phô trương hay gây sự chú ý trong cách ăn mặc và cư xử.

Chủ nghĩa bảo thủ bao gồm cả tín ngưỡng và niềm tin vào tôn giáo, đặc biệt ở các khu vực nông thôn. Du khách không nên bình luận bất cứ vấn đề gì về tín ngưỡng hoặc tự cho mình là người vô thần khi giao dịch với những người Hy Lạp theo phong cách truyền thống.

Nên tránh bình luận những vấn đề về chính trị, đặc biệt là những vấn đề nhạy cảm như mối quan hệ giữa Hy Lạp với Thổ Nhĩ Kỳ và Cyprus, hoặc vấn đề chính trị với người Yugoslavia trước đây.

Người Hy Lạp rất tôn trọng người cao tuổi và có kinh nghiệm.

V. Đánh giá tiềm năng thị trường Hy Lạp

Hy Lạp đang đứng trước nguy cơ vỡ nợ, phải ra khỏi khu vực sử dụng đồng tiền chung euro. Hy Lạp đã có những cuộc đàm phán với các nhà cho vay, nhưng không mấy khả quan do kế hoạch cải tổ của Hy Lạp trình ra và yêu cầu chung của Ủy ban châu Âu (EC), Ngân hàng trung ương châu Âu (ECB) và Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) vẫn còn khoảng cách lớn.

Mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa Hy Lạp và Việt Nam trên các lĩnh vực trong đó có kinh tế ngày càng được củng cố và phát triển. Tuy nhiên, hai bên vẫn chưa khai thác được hết những tiềm năng sẵn có. Tiềm năng để phát triển quan hệ thương mại song phương Việt Nam- Hy Lạp là rất lớn. Nhìn chung, các doanh nghiệp Hy Lạp đều quan tâm phát triển thương mại hơn nữa với Việt Nam, đặc biệt là nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản, cà phê, dệt may, đồ điện dân dụng... của Việt Nam.

Những mặt hàng Việt Nam xuất khẩu sang Hy Lạp có giá trị xuất khẩu cao nhất gồm có: điện thoại các loại và linh kiện, giày dép. Những mặt hàng hiện đang có tốc độ tăng trưởng xuất khẩu cao sang thị trường Hy Lạp gồm có: giày dép, phương tiện vận tải và phụ tùng, hạt điều, gỗ và sản phẩm gỗ.

VI. Địa chỉ hữu ích

Đại sứ quán Việt Nam tại Hy Lạp

Địa chỉ: số 20 Diamandidou Stress, 154 52 P.Psychico, Athens, Greece

Điện thoại : +30.2106128733

Fax +30.2106128734

Email: vnemb.gr@gmail.com hoặc vnemb.gr@mofa.gov.vn

Website: www.mofa.gov.vn/vnemb.gr

Đại sứ quán Hy Lạp tại Việt Nam

Địa chỉ: 27-29 Âu Cơ, quận Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại : +844-371 52254/ 371 52263

Fax: +844-371 52253

Email: gremb.han@mfa.gr

Website: www.mfa.gr/hanoi

Thương vụ Việt Nam tại I-ta-li-a (kiêm nhiệm Hy Lạp, Man-ta, Síp, San-ma-ri-nô)

Địa chỉ: Via Po 22, 00198 Roma, Italia

Điện thoại: (+39) 06 841 3913

Fax: (+39) 06 841 4072

Email: it@moit.gov.vn

VII. Tài liệu tham khảo

Số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Việt Nam với Hy Lạp của Tổng Cục Hải quan và Bản đồ thương mại (Trademap) của Trung tâm thương mại quốc tế (ITC).

Thông tin tổng quan về Hy Lạp của CIA The World Factbook
<https://www.cia.gov/library/publications/resources/the-world-factbook/>

Thông tin về quy định nhập khẩu vào Hy Lạp có tại: <http://www.austrade.gov.au>

Thông tin về quan hệ ngoại giao Việt Nam – Hy Lạp trên website của Bộ Ngoại giao Việt Nam.

Trang web của Cục Xúc tiến thương mại: www.vietrade.gov.vn

Trang web của Bộ Công Thương: www.moit.gov.vn



Mọi thông tin xin liên hệ:

Cục Xúc tiến thương mại

Phòng Nghiên cứu Phát triển thị trường

Địa chỉ: 20 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: 84.4.4.39347628, số máy lẻ 174; 193

Fax: 84.4.39348142

Email: nctt@vietrade.gov.vn

Website: <http://www.vietrade.gov.vn>